

**BỘ NỘI VỤ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 740 /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2009

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi)**  
**Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL - L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ- CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi) Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2008, tại Hà Nội.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Tuy*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Đối ngoại Trung ương;
- C13 Bộ Công an;
- Lưu VT, TCCP.



**Trần Văn Tuấn**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---



**ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI)**  
**LIÊN HIỆP CÁC TỔ CHỨC HỮU NGHỊ VIỆT NAM**

*(Phê duyệt theo Quyết định số 140/QĐ-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2009  
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).*

**Chương I**  
**TÊN GỌI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH**

**Điều 1. Tên gọi**

Tên tiếng Việt: Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

Tên viết tắt tiếng Việt: Liên hiệp hữu nghị (LHHN).

Tên tiếng Anh: Vietnam Union of Friendship Organizations.

Tên viết tắt tiếng Anh: VUFO

**Điều 2. Tôn chỉ, mục đích**

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam là tổ chức chính trị – xã hội chuyên trách về công tác vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân đấu tranh cho hoà bình và phát triển, mở rộng quan hệ đoàn kết, hữu nghị, thúc đẩy hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới và các tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ngày 17/11/1950 là Ngày Truyền thống của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

**Điều 3. Nguyên tắc hoạt động**

1. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hiệp thương dân chủ và tuân thủ pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và các tổ chức thành viên cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được đảm bảo về kinh phí, cơ sở vật chất và phương tiện hoạt động; các tổ chức thành viên của Liên hiệp ở trung ương và địa phương được hỗ trợ kinh phí cho hoạt động.

**Điều 4. Phạm vi hoạt động**

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam hoạt động trên phạm vi cả nước, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản.

Trụ sở của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam đặt tại Hà Nội.

## **Chương II.** **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

### **Điều 5. Nhiệm vụ**

1. Tiến hành các hoạt động, nhằm:

a) Tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, củng cố và phát triển quan hệ đoàn kết và hữu nghị, cổ vũ và hỗ trợ sự hợp tác về kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước.

b) Tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam.

c) Ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước, góp phần vào cuộc đấu tranh chung vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội.

2. Làm đầu mối cho công tác phi chính phủ nước ngoài, phối hợp vận động, điều phối viện trợ của các tổ chức hoà bình, đoàn kết, hữu nghị, các tổ chức tổ chức phi chính phủ và các nhân nước ngoài nhằm góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế – xã hội và cứu trợ nhân đạo.

3. Tham gia nghiên cứu các vấn đề quốc tế và tổ chức nghiên cứu về các đối tác của Liên hiệp làm cơ sở cho việc thực hiện các nhiệm vụ của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và có các kiến nghị với Nhà nước và các tổ chức liên quan.

4. Hướng dẫn các tổ chức thành viên trong hoạt động hoà bình, đoàn kết, hữu nghị, hợp tác quốc tế và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

### **Điều 6. Quyền hạn**

1. Thiết lập các mối quan hệ hoà bình, đoàn kết, hữu nghị, hợp tác với các tổ chức tương ứng, các tổ chức phi chính phủ, cá nhân nước ngoài; được cử các đoàn ra nước ngoài và đón các đoàn nước ngoài vào Việt Nam theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Đề nghị với các cơ quan chức năng về việc quyết định cử các đoàn ra nước ngoài và đón các đoàn nước ngoài vào Việt Nam hoạt động hoà bình, đoàn kết, hữu nghị và viện trợ phi chính phủ đối với các tổ chức thành viên ở địa phương.

3. Quan hệ trực tiếp với các bộ, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị – xã hội trung ương và cấp uỷ, chính quyền địa phương các cấp để giải quyết các công việc của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

4. Tham gia ý kiến trong việc xây dựng các chủ trương, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác đối ngoại nhân dân và được cung cấp thông tin theo quy định.

5. Kiến nghị với Chính phủ và Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc thành lập hoặc giải thể các tổ chức hoà bình, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước.

6. Thực hiện một số nhiệm vụ do Chính phủ giao.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THÀNH VIÊN**

##### **Điều 7. Thành viên**

1. Thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, gồm:

a. Các tổ chức hoà bình, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác nhân dân ở trung ương;

b. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị hoặc tổ chức có tính chất tương tự ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Các tổ chức trên được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật và phù hợp với Điều lệ của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

##### **Điều 8. Nghĩa vụ của tổ chức thành viên**

Các tổ chức thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam có nghĩa vụ:

1. Chấp hành Điều lệ của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, tuân thủ quy định về tổ chức, nhân sự lãnh đạo, sự hướng dẫn về chủ trương, phương hướng hoạt động và chịu sự kiểm tra của Đoàn Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;

2. Thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động đối ngoại nhân dân của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam; phối hợp và giúp đỡ các tổ chức thành viên khác trong hoạt động;

3. Đóng góp vào quỹ hoạt động chung của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam theo khả năng của mình.

##### **Điều 9. Quyền của tổ chức thành viên**

Các tổ chức thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam có quyền:

1. Đề cử, giới thiệu đại diện vào cơ quan lãnh đạo của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;

2. Tham gia xây dựng và thông qua các phương hướng, chương trình và kế hoạch hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;

3. Được Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam giúp đỡ, tạo điều kiện trong hoạt động như thông tin, đào tạo cán bộ,... và bảo vệ quyền lợi chính đáng của thành viên.

### **Chương IV**

#### **CƠ CẤU TỔ CHỨC**

##### **Điều 10. Cơ quan lãnh đạo**

Cơ quan lãnh đạo của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam gồm:

1. Đại hội đại biểu toàn quốc;
2. Đoàn Chủ tịch;
3. Ban Thường vụ.

### **Điều 11. Đại hội đại biểu toàn quốc**

Đại hội Đại biểu toàn quốc của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam là cơ quan lãnh đạo cao nhất, được triệu tập năm năm một lần với sự tham gia của các thành viên thuộc Đoàn Chủ tịch Liên hiệp và đại biểu của các tổ chức thành viên.

Đại hội Đại biểu toàn quốc có các nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Thông qua báo cáo công tác của Đoàn Chủ tịch, thảo luận và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;
2. Thông qua Điều lệ sửa đổi;
3. Hiệp thương bầu Đoàn Chủ tịch của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

### **Điều 12. Đoàn Chủ tịch**

Đoàn Chủ tịch là cơ quan lãnh đạo của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam giữa hai kỳ Đại hội Đại biểu toàn quốc.

1. Đoàn Chủ tịch gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Chủ tịch của tất cả các tổ chức thành viên, Trưởng các Ban, đơn vị của cơ quan thường trực Liên hiệp, đại diện một số cơ quan, tổ chức nhân dân và một số cá nhân tiêu biểu.

2. Đoàn Chủ tịch mỗi năm họp một lần. Theo đề nghị của Chủ tịch, Đoàn Chủ tịch có thể họp bất thường hoặc mở rộng.

3. Hội nghị Đoàn Chủ tịch có các nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo của Ban Thường vụ; quyết định chương trình và kế hoạch hoạt động hàng năm giữa hai kỳ hội nghị Đoàn Chủ tịch;

b) Thông qua số lượng, danh sách Ban Thường vụ và thay đổi nhân sự Ban Thường vụ theo đề nghị của Chủ tịch Liên hiệp;

c) Quyết định công nhận hoặc không công nhận tư cách tổ chức thành viên; kỷ luật đối với các tổ chức thành viên và Ủy viên Đoàn Chủ tịch.

Đoàn Chủ tịch triệu tập Đại hội Đại biểu toàn quốc bất thường khi có ít nhất 2/3 các tổ chức thành viên yêu cầu.

4. Đoàn Chủ tịch có thể thành lập các Hội đồng tư vấn để nghiên cứu, cung cấp thông tin và tư vấn cho Ban Thường vụ, Đoàn Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam về các biện pháp nhằm thúc đẩy, nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên hiệp.

### **Điều 13. Ban Thường vụ**

Ban Thường vụ là cơ quan chỉ đạo hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam giữa hai kỳ họp của Đoàn Chủ tịch.

1. Ban Thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và một số uỷ viên.

2. Ban Thường vụ có nhiệm vụ:

a) Cụ thể hoá các quyết định của Đoàn Chủ tịch và tổ chức chỉ đạo và thực hiện các quyết định đó; hướng dẫn thực hiện Điều lệ của Liên hiệp;

b) Kiểm tra việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;

c) Chuẩn bị nội dung cho hội nghị Đoàn Chủ tịch;

d) Thông qua chức năng, nhiệm vụ và danh sách Ban Thư ký theo đề nghị của Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;

e) Quyết định khen thưởng đối với các tập thể và cá nhân và quyết định kỷ luật đối với nhân sự lãnh đạo của các tổ chức thành viên theo thẩm quyền.

3. Ban Thường vụ họp sáu tháng một lần, khi cần thiết có thể họp bất thường.

### **Điều 14. Ban Thư ký**

Ban Thư ký là bộ máy giúp Ban Thường vụ tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và chuẩn bị nội dung cho hội nghị các cơ quan lãnh đạo.

Ban Thư ký gồm: Tổng Thư ký, các Phó Tổng Thư ký và một số uỷ viên.

### **Điều 15. Ban Kiểm tra**

Ban Kiểm tra do Đoàn Chủ tịch Liên hiệp bầu, gồm Trưởng ban và các Uỷ viên.

Ban Kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện, chấp hành Điều lệ, Nghị quyết và các quy định của Liên hiệp.

### **Điều 16. Cơ quan Thường trực**

1. Cơ quan thường trực của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam do Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam đứng đầu. Cơ cấu của cơ quan thường trực gồm Văn phòng, các Ban khu vực, các Ban chức năng và các đơn vị trực thuộc.

2. Cơ quan thường trực của Liên hiệp có trách nhiệm giúp Chủ tịch tổ chức mọi hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

## **Chương V**

## **TÀI SẢN, TÀI CHÍNH**

### **Điều 17. Tài sản, tài chính**

Tài sản và tài chính của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam gồm:

1. Nguồn do ngân sách Nhà nước cấp;
2. Các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các khoản thu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 18. Quản lý tài sản, tài chính**

Tài sản và tài chính của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Chương VI KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

#### **Điều 19. Khen thưởng**

Những tổ chức thành viên và cá nhân có nhiều đóng góp cho việc thực hiện tôn chỉ, mục đích và hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam được Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam biểu dương, khen thưởng hoặc đề nghị Nhà nước khen thưởng.

#### **Điều 20. Kỷ luật**

Tổ chức thành viên và cá nhân vi phạm Điều lệ, tùy theo mức độ sẽ bị kỷ luật từ khiển trách đến khai trừ đối với cá nhân và xóa tên đối với tổ chức thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

### **Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 21. Sửa đổi bổ sung Điều lệ**

Chỉ có Đại hội Đại biểu toàn quốc Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam mới có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

#### **Điều 22. Hiệu lực thi hành**

1. Điều lệ này gồm 7 Chương, 22 Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam lần thứ IV thông qua vào ngày 18 tháng 12 năm 2008 tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ phê duyệt.

2. Ban Thường vụ Đoàn Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ này. /.

